ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH **SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 329 /GPMT-STNMT-CCBVMT	*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 4 năm 2025*

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Nghị định 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị quyết số 06/NQ-HĐND ngày 20 tháng 02 năm 2025 của Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc thành lập Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 36/2025/QĐ-UBND ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Ủy ban nhân dân Thành phố về ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 04/2012/QĐ-UBND ngày 31 tháng 01 năm 2012 của Ủy ban nhân dân Thành phố về chuyển đổi mô hình tổ chức Chi cục Bảo vệ môi trường thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Quyết định số 1873/QĐ-UBND ngày 11 tháng 5 năm 2023 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc ủy quyền giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực môi trường thuộc thẩm quyền quyết định của Ủy ban nhân dân Thành phố theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 686/QĐ-UBND ngày 06 tháng 3 năm 2024 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 1873/QĐ-UBND ngày 11 tháng 5 năm 2023 về việc ủy quyền

giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực môi trường thuộc thẩm quyền quyết định của Ủy ban nhân dân Thành phố theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020;

Theo ý kiến của Đoàn kiểm tra cấp giấy phép môi trường cơ sở "Siêu thị Co.opmart Hiệp Thành" tại số 276 đường Nguyễn Ảnh Thủ, phường Hiệp Thành, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh của Liên hiệp Hợp tác xã Thương mại Thành phố Hồ Chí Minh, kiểm tra ngày 31 tháng 12 năm 2024;

Xét hồ sơ kèm theo Công văn số 325/LH ngày 36 tháng 3 năm 2025 của Liên hiệp Hợp tác xã Thương mại Thành phố Hồ Chí Minh về việc đề nghị cấp giấy phép môi trường của cơ sở "Siêu thị Co.opmart Hiệp Thành" tại số 276 đường Nguyễn Ảnh Thủ, phường Hiệp Thành, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh và Công văn số 324/LH ngày 26 tháng 3 năm 2025 của Liên hiệp Hợp tác xã Thương mại Thành phố Hồ Chí Minh về giải trình hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường cơ sở "Siêu thị Co.opmart Hiệp Thành" tại số 276 đường Nguyễn Ảnh Thủ, phường Hiệp Thành, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

Xét đề nghị của Chi cục trưởng Chi cục Bảo vệ Môi trường tại Phiếu trình số 814 /TTr-CCBVMT-TPMT ngày 09 tháng 4 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Cấp phép cho Liên hiệp Hợp tác xã Thương mại Thành phố Hồ Chí Minh, địa chỉ trụ sở chính tại số 199-205 đường Nguyễn Thái Học, phường Phạm Ngũ Lão, Quận 1 được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của cơ sở "Siêu thị Co.opmart Hiệp Thành" tại số 276 đường Nguyễn Ảnh Thủ, phường Hiệp Thành, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của cơ sở:

1.1. Tên cơ sở: Siêu thị Co.opmart Hiệp Thành.

1.2. Địa điểm hoạt động: số 276 đường Nguyễn Ảnh Thủ, phường Hiệp Thành, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký Hợp tác xã số: 0301175691, đăng ký lần đầu ngày 22 tháng 3 năm 1999, đăng ký thay đổi lần thứ 36, ngày 29 tháng 6 năm 2022, do Phòng đăng ký Kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

1.4. Mã số thuế: 0301175691.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: siêu thị.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của cơ sở:

– Cơ sở có tiêu chí về môi trường như dự án đầu tư nhóm III theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP của Chính phủ.

– Tổng diện tích khu đất của cơ sở: 2.320,9 m^2 (theo Giấy chứng nhận Quyền

sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CT 59916 ngày 11 tháng 01 năm 2017 của Sở Tài nguyên và Môi trường cấp cho Liên hiệp Hợp tác xã Thương mại Thành phố Hồ Chí Minh).

– Quy mô: Có tiêu chí phân loại dự án nhóm C (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

– Công trình: 01 khối nhà cao 01 tầng, diện tích sàn xây dựng là 1.623,4 m^2; bố trí khu siêu thị, khu vực kho, kho mát, kho đông, nhà chế biến và các hạng mục công trình phụ trợ; siêu thị phục vụ số lượt khách tối đa là 1.000 người/ngày (theo báo cáo đề xuất cấp phép môi trường).

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2: Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Liên hiệp Hợp tác xã Thương mại Thành phố Hồ Chí Minh:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Liên hiệp Hợp tác xã Thương mại Thành phố Hồ Chí Minh có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải, đảm bảo chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép xem xét, giải quyết

2.6. Giấy phép môi trường này được cấp cho Liên hiệp Hợp tác xã Thương mại Thành phố Hồ Chí Minh, kèm theo yêu cầu về bảo vệ môi trường khi xả chất thải ra môi trường, quản lý chất thải đối với hoạt động của cơ sở; là căn cứ để cơ quan nhà nước có thẩm quyền và Chủ đầu tư thực hiện hoạt động quy định tại khoản 4 Điều 42 Luật Bảo vệ môi trường. Liên hiệp Hợp tác xã Thương mại Thành phố Hồ Chí Minh có trách nhiệm tuân thủ quy chuẩn, quy hoạch có liên quan, quy định pháp luật về bảo vệ môi trường, tài nguyên nước; thực hiện hoàn tất thủ tục đầu tư, quy hoạch, xây dựng, đất đai, pháp luật về xử lý, sắp xếp nhà, đất, tài sản,... (nếu có) đối với địa điểm hoạt động theo quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 3: Thời hạn của Giấy phép môi trường: 10 năm kể từ ngày Giấy phép môi trường được ký ban hành.

Giấy phép môi trường có thể chấm dứt trước thời hạn trên theo kết quả giải quyết, xử lý có liên quan của cơ quan có thẩm quyền (nếu có).

Trường hợp Giấy phép môi trường có nội dung thay đổi, hoặc Giấy phép môi trường hết hạn, Chủ cơ sở có trách nhiệm thực hiện thủ tục cấp đổi, điều chỉnh, cấp lại theo quy định tại Điều 44 Luật Bảo vệ môi trường và quy định khác liên quan.

Điều 4: Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân Quận 12 tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:
- Liên hiệp Hợp tác xã Thương mại TP.HCM;
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường (để báo cáo);
- UBND Thành phố (để báo cáo);
- UBND Quận 12;
- UBND phường Hiệp Thành, Quận 12;
- Trang thông tin điện tử của Sở TNMT;
- Lưu: VT, CCBVMT. Bình.09.

GIÁM ĐỐC

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Nguyễn Toàn Thắng

PHỤ LỤC 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số .....329...../GPMT-STNMT-CCBVMT ngày ...10. tháng ..4... năm 2025 của Sở Tài nguyên và Môi trường)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

1. Nguồn phát sinh nước thải:

– Nguồn số 01: Nước thải phát sinh từ bồn cầu, bồn tiểu của cơ sở.

– Nguồn số 02: Nước thải từ các bồn rửa tay, bồn tắm, sàn nhà của cơ sở.

– Nguồn số 03: Nước thải phát sinh từ hoạt động sơ chế rau, củ quả, vệ sinh thiết bị.

– Nguồn số 04: Nước thải từ vệ sinh thùng rác sinh hoạt của cơ sở.

– Nguồn số 05: Nước thải phát sinh từ vệ sinh tháp khử mùi hệ thống xử lý nước thải.

– Nguồn số 06: Nước thải phát sinh từ bồn rửa khu vực pha chế của gian hàng cà phê khu cho thuê.

Thành phần chất ô nhiễm trong nước thải gồm pH, BOD_5, tổng chất rắn lơ lửng (TSS), tổng chất rắn hòa tan (TDS), Sunfua (tính theo H_2S), Amoni (tính theo N), Nitrat (tính theo N), Phosphat (tính theo P), dầu mỡ động, thực vật, tổng các chất hoạt động bề mặt, tổng Coliforms.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải:

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: nước thải sau xử lý thoát ra hệ thống cống thoát nước chung của thành phố thuộc Phường Hiệp Thành, Quận 12.

2.2. Vị trí xả nước thải:

– Vị trí đấu nối xả thải: Số 276 Đường Nguyễn Ảnh Thủ, phường Hiệp Thành, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

– Tọa độ vị trí xả nước thải X = 1.203.225; Y = 596.845 *(Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trục 105°45', múi chiếu 3°).*

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 30 m^3/ngày đêm; 1,25 m^3/giờ.

2.3.1. Phương thức xả nước thải: Nước thải tại cơ sở sau khi được xử lý tại

hệ thống xử lý nước thải công suất 30 m^3/ngày.đêm để xử lý đạt QCVN 14:2008/BTNMT Cột B, K=1,2 – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt sẽ được bơm ra hố ga cuối trong phạm vi cơ sở (hố ga lấy mẫu nước thải) bằng đường ống uPVC đường kính D60mm. Từ hố ga cuối trong phạm vi cơ sở nước thải sẽ tự chảy theo đường ống uPVC đường kính D60mm thoát nước chung của thành phố trên đường Nguyễn Ảnh Thủ.

2.3.2. Chế độ xả nước thải: Gián đoạn.

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải sinh hoạt QCVN 14:2008/BTNMT, cột B, (K=1,2), cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	pH	-	5 - 9	Không thuộc đối tượng phải quan trắc nước thải định kỳ (theo quy định Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP).	Không thuộc đối tượng phải quan trắc nước thải tự động, liên tục (theo quy định Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP).
2	BOD_5 (20°C)	mg/l	60		
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	120		
4	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	mg/l	1.200		
5	Amoni (tính theo N)	mg/l	12		
6	Nitrat (NO_3^-) (tính theo N)	mg/l	60		
7	Dầu mỡ động, thực vật	mg/l	24		
8	Sunfua (tính theo H_2S)	mg/l	4,8		
9	Photphat (PO_4^{3-}) (tính theo P)	mg/l	12		
10	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	12		
11	Tổng Coliforms	MPN/100ml	5.000		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải

– Nguồn số 01: Nước thải phát sinh từ bồn cầu, bồn tiểu của nhà vệ sinh sẽ theo đường ống uPVC đường kính D114 mm, i=0,03% chảy về bể tự hoại (thể tích 12,3 m^3) của cơ sở để xử lý sơ bộ trước khi được thu gom về hệ thống xử lý nước thải công suất 30 m^3/ngày đêm bằng đường ống uPVC đường kính D200 mm.

– Nguồn số 02: Nước thải từ bồn rửa, nước thoát sàn của nhà vệ sinh sẽ theo đường ống uPVC D90mm, i=0,03% chảy về hố ga thu gom nước thải nội bộ sau đó được thu gom về hệ thống xử lý nước thải công suất 30 m^3/ngày đêm bằng đường ống uPVC đường kính D200 mm.

– Nguồn số 03: Nước thải phát sinh từ sơ chế rau, trái cây, vệ sinh thiết bị dụng cụ sẽ được thu gom bằng đường ống uPVC đường kính D49mm, i= 2% về bể tách mỡ (thể tích 2,94 m^3) của cơ sở, sau đó sẽ theo đường ống uPVC đường kính D168mm, i=1%, kết nối với đường ống uPVC đường kính D200 mm dẫn về hệ thống xử lý nước thải công suất 30 m^3/ngày đêm để xử lý.

– Nguồn số 04: Nước thải phát sinh từ vệ sinh thùng rác sẽ được thu gom về bể tách mỡ (thể tích 2,94 m^3) bằng đường ống uPVC D60mm, sau đó sẽ theo đường ống uPVC đường kính D168mm, i=1%, kết nối với đường ống uPVC đường kính D200 mm chiều dài 15m dẫn về hệ thống xử lý nước thải công suất 30 m^3/ngày đêm để xử lý.

– Nguồn số 05: Nước thải phát sinh từ vệ sinh tháp khử mùi hệ thống xử lý nước thải theo đường ống uPVC đường kính D60mm, dài 7m dẫn về hệ thống xử lý nước thải công suất 30 m^3/ngày đêm để xử lý.

– Nguồn số 06: Nước thải phát sinh từ bồn rửa khu vực pha chế của gian hàng cà phê khu cho thuê được thu gom theo đường ống uPVC có kích thước D90mm về bể tách mỡ (thể tích 2,94 m^3) của cơ sở, sau đó sẽ theo đường ống uPVC đường kính D168mm, i=1%, kết nối với đường ống uPVC đường kính D200 mm dẫn về hệ thống xử lý nước thải công suất 30 m^3/ngày đêm để xử lý.

Nước thải tại cơ sở sau khi được xử lý tại hệ thống xử lý nước thải công suất 30 m^3/ngày.đêm để xử lý đạt QCVN 14:2008/BTNMT, Cột B, K=1,2 – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt sẽ được bơm ra hố ga cuối trong phạm vi cơ sở (hố ga lấy mẫu nước thải) bằng đường ống uPVC đường kính D60mm. Từ hố ga cuối trong phạm vi cơ sở nước thải sẽ tự chảy theo đường ống uPVC đường kính D60mm thoát nước chung của Thành phố.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

– Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải (Nước thải bồn cầu, âu tiểu → bể tự hoại; nước thải phát sinh từ sơ chế rau, trái cây, vệ sinh thiết bị dụng cụ,

bồn rửa khu vực pha chế của gian hàng cà phê khu cho thuê → bể tách mỡ; nước thải còn lại) → Bể điều hòa → Bể Anoxic → Bể AFBR → Bể lắng 2 → Bể khử trùng → Nguồn tiếp nhận (đấu nối vào hệ thống thoát nước chung của Thành phố trên đường Nguyễn Ảnh Thủ).

– Công suất thiết kế: 30 m^3/ngày đêm; 1,25 m^3/giờ.

– Hóa chất, vật liệu sử dụng: NaOH, Mật rỉ đường, Chlorine.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục

Cơ sở không thuộc đối tượng phải lắp đặt hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục (theo quy định tại Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ).

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố

– Thực hiện việc kiểm tra an toàn lao động: tập huấn an toàn lao động định kỳ cho cán bộ; định kỳ bảo trì, bảo dưỡng thiết bị.

– Đảm bảo vận hành hệ thống theo đúng quy trình đã được hướng dẫn.

– Thường xuyên theo dõi hoạt động, bảo dưỡng định kỳ của các máy móc, tình trạng hoạt động của các bể để có biện pháp khắc phục kịp thời.

– Đầu tư dự phòng các thiết bị dễ bị hư hỏng như máy bơm (01 máy hoạt động, 01 máy dự phòng), nhằm sẵn sàng thay thế kịp thời khi có sự cố xảy ra, đảm bảo hệ thống xử lý nước thải luôn được vận hành liên tục.

– Đảm bảo nguồn cung cấp điện để duy trì hoạt động của các máy móc, thiết bị hệ thống xử lý nước thải.

– Khi phát hiện sự cố, ngưng hoạt động, hồi lưu toàn bộ nước thải không đạt tiêu chuẩn về bể điều hòa để tiến hành xử lý lại và nhanh chóng rà soát, xử lý sự cố.

– Lập sổ theo dõi lưu lượng, chất lượng nước thải và hoạt động của hệ thống xử lý nước thải.

– Bố trí nhân viên quản lý, vận hành hệ thống xử lý nước thải có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, được đào tạo tập huấn đầy đủ các nội dung vận hành hệ thống, ứng phó sự cố. Thực hiện đúng quy trình vận hành đã được ban hành.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

Cơ sở không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải theo quy định tại Khoản 4 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý toàn bộ nước thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở,

bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A, Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường, không xả thải trực tiếp ra môi trường.

3.2. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành công trình xử lý nước thải.

3.3. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải của Cơ sở; đấu nối đúng quy định vào nguồn tiếp nhận nước thải (cống thoát nước trên đường Nguyễn Ảnh Thủ); xây dựng hố ga đấu nối nước thải sau xử lý thuận tiện cho công tác kiểm tra, giám sát.

3.4. Chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc thu gom, xử lý nước thải trước khi xả thải ra môi trường.

3.5. Chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định tại Mục 2.3.3 Phần A Phụ lục này và phải dừng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.

PHỤ LỤC 2

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số .....329../GPMT-STNMT-CCBVMT ngày ..10.. tháng ..4.. năm 2025 của Sở Tài nguyên và Môi trường)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI

1. Nguồn phát sinh khí thải:

1.1. Các nguồn phát sinh bụi, khí thải không có hệ thống xử lý:

– Nguồn số 01: Bụi, khí thải phát sinh từ máy phát điện dự phòng công suất 220 KVA, lưu lượng 873,2 m^3/giờ.

1.2. Các nguồn phát sinh bụi, khí thải có hệ thống xử lý:

– Nguồn số 02: Khí thải (mùi) phát sinh từ hệ thống xử lý nước thải công suất 30 m^3/ngày.đêm, lưu lượng 1.200 m^3/giờ.

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải:

2.1. Vị trí xả khí thải: Siêu thị Co.opmart Hiệp Thành tại số 276 đường Nguyễn Ảnh Thủ, phường Hiệp Thành, Quận 12, cụ thể như sau:

– Dòng khí thải số 01: Tương ứng với 01 ống thoát bụi, khí thải từ máy phát điện dự phòng công suất 220 KVA, tọa độ vị trí xả thải: X=1.203.066; Y= 597.104.

– Dòng khí thải số 02: Tương ứng với ống thoát khí thải (mùi) hệ thống xử lý nước thải công suất 30 m^3/ngày.đêm, tọa độ vị trí xả thải: X= 1.203.097; Y = 597.074.

(Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trục $105^0 45'$, múi chiếu 3^0).

2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất: 2.073,2 m^3/giờ, trong đó:

– Dòng khí thải số 01: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất là 873,2 m^3/giờ.

– Dòng khí thải số 02: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất là 1.200 m^3/giờ.

2.2.1. Phương thức xả khí thải:

– Dòng khí thải số 01: Bụi, khí thải xả ra môi trường qua ống thoát khí thải của máy phát điện, xả gián đoạn (chỉ xả khi sử dụng máy phát điện dự phòng).

– Dòng khí thải số 02: Khí thải xả ra môi trường qua ống thoát khí thải, xả liên tục 24/24 giờ.

2.2.2. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường như sau:

– Bụi và khí thải phát sinh từ máy phát điện dự phòng (dòng thải số 01) chỉ xả gián đoạn trong trường hợp có sự cố mất điện, không yêu cầu có hệ thống xử lý khí thải nhưng nhiên liệu dầu DO sử dụng cho các thiết bị này phải đáp ứng yêu cầu về chất lượng theo quy định pháp luật và chất lượng sản phẩm, hàng hóa.

– Chất lượng khí thải, mùi (dòng thải số 02) phát sinh từ hệ thống xử lý nước thải không yêu cầu có hệ thống xử lý khí thải, nhưng chất lượng khí thải, mùi trước khi xả vào môi trường phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và đạt Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ QCVN 19:2009/BTNMT (cột B, Kp = 1, Kv = 0,6), Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ QCVN 20:2009/BTNMT, cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục (nếu có)
1	Amoniac (NH_3)	mg/Nm^3	30	Không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc khí thải định kỳ theo quy định tại Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP	Không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc khí thải tự động, liên tục theo quy định tại Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP
2	Hydro sunfua (H_2S)	mg/Nm^3	4,5		
3	Metyl mercaptan (CH_3SH)	mg/Nm^3	15		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải:

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải:

– Nguồn số 01: Bụi, khí thải máy phát điện được thu gom và thoát ra môi trường qua ống thoát khí thải đường kính 114mm, chiều cao ống khói cao 4m tính từ mái nhà, xả thải gián đoạn (chỉ xả khi sử dụng máy phát điện).

– Nguồn số 02: Khí thải, mùi phát sinh từ hệ thống xử lý nước thải 30 m^3/ngày.đêm xả ra môi trường qua ống thoát khí thải bằng nhựa PVC đường

kính 60mm, chiều cao ống khoảng 4m tính từ mặt đất, xả liên tục 24/24 giờ.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải:

– Tóm tắt quy trình xử lý: khí thải, mùi từ hệ thống xử lý khí thải → Quạt hút mùi → Tháp khử mùi sử dụng dung dịch NaOH→ Ống thoát khí thải sau xử lý.

– Thông số kỹ thuật: Quạt hút có lưu lượng 1.200 m^3/giờ, ống thoát khí thải PVC có đường kính D60 mm, chiều cao 4m (so với mặt đất).

– Hóa chất, vật liệu sử dụng: Dung dịch NaOH.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục

Cơ sở không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc khí thải tự động, liên tục theo quy định tại Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP của Chính phủ.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố

– Đảm bảo vận hành theo đúng kỹ thuật của nhà cung cấp.

– Thường xuyên kiểm tra hoạt động của thiết bị, kiểm tra việc rò rỉ và khắc phục, sửa chữa, thay thế đường ống nếu có hư hỏng.

– Trang bị các thiết bị dự phòng cho hệ thống thông gió như quạt hút, ống dẫn để kịp thời thay thế nếu hư hỏng.

– Đảm bảo vận hành thường xuyên hệ thống xử lý chất thải đúng kỹ thuật.

– Theo dõi, giám sát hoạt động của máy phát điện dự phòng. Định kỳ bảo trì, bảo dưỡng máy phát điện dự phòng.

– Kiểm tra lượng hóa chất sử dụng định kỳ tại các thiết bị xử lý mùi đảm bảo hoạt động của hệ thống.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

Cơ sở không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP của Chính phủ.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở, bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Đảm bảo bố trí nguồn lực, thiết bị để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý bụi, khí thải.

3.3. Đảm bảo bụi, khí thải phát sinh tại cơ sở phải được thu gom, xử lý đạt QCVN 19:2009/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (cột B, Kp=1; Kv=0,6); Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ QCVN 20: 2009/BTNMT.

3.4. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định tại Mục 2.2.2 Phần A Phụ lục này và phải dừng ngay việc xả bụi, khí thải khi thực hiện các biện pháp khắc phục.

PHỤ LỤC 3

BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 329/GPMT-STNMT-CCBVMT ngày 10 tháng 4 năm 2025 của Sở Tài nguyên và Môi trường)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:

– Nguồn số 01: Tiếng ồn, độ rung từ máy phát điện dự phòng công suất 220 kVA.

– Nguồn số 02: Tiếng ồn, độ rung từ máy móc thiết bị hệ thống xử lý nước thải công suất 30 m^3/ngày.đêm.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:

– Nguồn số 01:Tọa độ X= 1.203.066; Y= 597.104.

– Nguồn số 02: Tọa độ X= 1.203.097; Y = 597.074.

(Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trục $105^0 45'$, múi chiếu 3^0)

3. Tiếng ồn, độ rung phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

TT	Từ 06 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 06 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	Không	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)	Tần suất quan trắc	Ghi chú

	Từ 06 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 06 giờ	định kỳ	
1	70	60	Không	Khu vực thông thường

B.YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

– Máy phát điện dự phòng đặt trên đế quán tính tại khu vực riêng biệt, cách âm, cửa gió thải và cửa lấy gió được gắn bộ giảm âm; thường xuyên kiểm tra lượng dầu bôi trơn và dầu trong máy; không để máy hoạt động quá tải; bảo dưỡng máy theo định kỳ.

– Lắp đặt đệm chống rung bằng đệm cao su cho máy thổi khí trong hệ thống xử lý nước thải đảm bảo độ cân bằng của máy móc khi hoạt động.

– Bảo trì, bảo dưỡng máy bơm theo định kỳ, thay những chi tiết hư hỏng và thay thế kịp thời các máy bơm khi đã xuống cấp theo hướng dẫn của nhà sản xuất.

– Trong quá trình vận hành hệ thống xử lý nước thải thường xuyên kiểm tra độ cân bằng của máy, độ mài mòn của các chi tiết, tra dầu mỡ và thay thế các chi tiết bị mài mòn.

– Trồng cây xanh xung quanh khu vực cơ sở.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

– Thực hiện đầy đủ các biện pháp nhằm giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung phát sinh trong quá trình vận hành của Cơ sở, đảm bảo nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

– Thường xuyên kiểm tra và bảo trì, bảo dưỡng định kỳ các máy móc, thiết bị của Cơ sở.

PHỤ LỤC 4

YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số ..... 329 ...../GPMT-STNMT-CCBVMT ngày ...10. tháng ..4.. năm 2025 của Sở Tài nguyên và Môi trường)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

STT	Tên chất thải	Mã CTNH	Trạng thái tồn tại	Khối lượng (kg/năm)
1	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	16 01 06	Rắn	30
2	Pin thải, ắc quy thải	16 01 12	Rắn	6
3	Các thiết bị, linh kiện điện tử thải hoặc ác thiết bị có các linh kiện điện tử	16 01 13	Rắn	7
4	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	18 02 01	Rắn	8
Tổng cộng				**51**

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

TT	Tên chất thải	Mã chất thải	Khối lượng (kg/năm)
1	Rau củ quả hư hỏng	-	14.472

TT	Tên chất thải	Mã chất thải	Khối lượng (kg/năm)
2	Hàng công nghệ hết hạn	-	422,18
3	Bùn từ hệ thống xử lý nước thải	12 06 10	1.908
4	Bùn từ bể tự hoại	12 06 13	58.212
5	Phế liệu (carton, nilon)	-	22.278
6	Dầu ăn đã qua sử dụng	12 06 11	140
Tổng khối lượng			**163.960**

1.3. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

STT	Tên chất thải	Khối lượng (tấn/năm)
1	Chất thải thực phẩm	34,484
2	Chất thải sinh hoạt khác	22,500
3	Chất thải có khả năng tái sử dụng, tái chế	9,977
Tổng cộng		**66,96**

1.4. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn cồng kềnh: tủ, kệ, bàn ghế cũ hỏng; tủ sắt, cành cây, gốc cây, đồ sành sứ, thủy tinh vỡ... (thuộc nhóm "Chất thải rắn sinh hoạt khác") khối lượng phát sinh khoảng 200 kg/năm.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

2.1.1. Thiết bị lưu chứa: Trang bị 1 thùng chứa 120 lít/thùng và 3 thùng 20 lít/thùng, có nắp đậy, màu cam, bên ngoài thùng được dán tên, mã chất thải nguy hại và ký hiệu cảnh báo theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

2.1.2. Kho lưu chứa:

– Diện tích kho: 4m^2.

– Vị trí bố trí: phía Đông Bắc của cơ sở.

– Thiết kế, cấu tạo của kho: Phòng chứa chất thải nguy hại được bố trí có nền bê tông chống thấm, có gờ chống tràn chất thải ra ngoài để phòng trường hợp xảy ra sự cố tràn đổ chất thải đang lưu chứa trong phòng chứa, có mái che, có cửa khóa, có biển cảnh báo; trang bị bình chữa cháy, vật liệu thấm hút để ứng phó khi có sự cố xảy ra, đảm bảo theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt

2.2.1. Thiết bị lưu chứa: Tại khu lưu chứa tập trung trang bị 03 thùng chứa có dung tích 240 lít/thùng, có nắp đậy.

2.2.2. Kho lưu chứa:

– Diện tích kho: 6m^2.

– Vị trí bố trí: phía Đông Nam (mặt sau) của cơ sở.

– Thiết kế, cấu tạo của kho: Kho có kết cấu bằng tôn, có gờ chống tràn, có bố trí hố thu gom nước vệ sinh thùng chứa để dẫn về hệ thống xử lý nước thải.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường

– Khu vực lưu chứa chất thải rắn công nghiệp thông thường có kết cấu bằng tôn, nền bê tông, đảm bảo không bị ngập, diện tích 12 m^2, tại khu vực phía Đông Nam (mặt sau) của cơ sở.

– Bùn thải từ bể tự hoại sẽ được lưu chứa trong 01 bể tự hoại với thể tích 12,3 m^3.

– Bùn thải từ trạm xử lý nước thải được lưu chứa trong Bể chứa bùn với thể tích 4,7 m^3.

– Đối với mỡ từ bể tách mỡ được lưu chứa trong 1 bể chứa dầu mỡ có thể tích là 5,3 m^3.

2.4. Yêu cầu chung đối với thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt:

– Các thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt đáp ứng đầy đủ yêu cầu theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA, ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

– Xây dựng, thực hiện các biện pháp an toàn lao động, các phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố cháy nổ, sự cố hóa chất, sự cố hệ thống xử lý nước

thải, hệ thống thoát khí thải và các sự cố môi trường khác theo quy định pháp luật.

– Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

– Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính Phủ và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ.

PHỤ LỤC 5

CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 329 /GPMT-STNMT-CCBVMT ngày 10 tháng 4 năm 2025 của Sở Tài nguyên và Môi trường)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG

Cơ sở không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC

Cơ sở không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. CÁC NỘI DUNG CHỦ CƠ SỞ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG (HOẶC VĂN BẢN TƯƠNG ĐƯƠNG VỚI QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG)

Đã hoàn thành các hạng mục, công trình và các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Quyết định số 2111/QĐ-TNMT-QLMT ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Sở Tài nguyên và Môi trường về phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án "Siêu thị Co.opmart Hiệp Thành" tại phường Hiệp Thành, Quận 12. Cơ sở không còn hạng mục, công trình và các yêu cầu về bảo vệ môi trường phải tiếp tục thực hiện.

D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Bảo đảm và tự chịu trách nhiệm về thông tin, số liệu trong nội dung báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường và các nội dung giải trình đã nộp kèm theo hồ sơ đề nghị cấp phép môi trường của cơ sở.

2. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

3. Thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn theo quy định.

4. Tuân thủ đầy đủ các quy định pháp luật đầu tư, xây dựng, quy hoạch, môi trường, an toàn lao động, an toàn giao thông, phòng cháy chữa cháy và các quy định pháp luật có liên quan.

5. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật; cập nhật, lưu giữ thông tin, số liệu về môi trường để cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường kiểm tra khi cần thiết./.